TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:33/2025/HNGĐ-ST.
Ngày 12 - 6 - 2025.
V/v: " ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa và bà Đoàn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025, về tranh chấp "Kiện ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ dân phố ĐN, phường TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: Thôn 3, CL, xã BN, huyện BL, tỉnh Hà Nam.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: tổ dân phố ĐN, phường TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

(Phiên toà vắng mặt chị L, anh T đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện của hai bên vào ngày 22/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã TH (nay là phường TH), thành phố PL, tỉnh Hà Nam vì trước đó vợ chồng anh chị có thời gian tìm hiểu nhau được 06 tháng và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị chung sống cùng gia đình anh T ở thôn ĐN, xã TH. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị cũng có thời gian hòa thuận khoảng 02 năm thì vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không còn hợp nhau về cách sống, quan điểm sống, cách suy nghĩ nữa. Do mâu thuẫn giữa hai bên không giải quyết được nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2024 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị L chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn 3, CL, xã BN, huyện BL ở nên vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và chấm dứt quan hệ tình cảm từ đó. Nay cả hai bên đều xác định tình cảm dành cho nhau không còn, mâu thuẫn hai bên đã rất trầm

trọng không thể hoà giải được và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị L xin ly hôn, anh Nguyễn Văn T cũng nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con trai chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21/02/2020 do anh T đang nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 22/10/2021 do chị L đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, hai bên đều có nguyện vọng giao anh T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đăng K và giao chị L nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có nên anh chị không đề nghị giải quyết. Hiện nay chị L không có thai nghén gì.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của đại diện Ủy ban nhân dân phường TH, thành phố PLL, tỉnh Hà Nam: Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của vợ chồng chị L, anh T theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68, 147; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

- Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng K cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn T N cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về án phí ly hôn: Chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại: tổ dân phố ĐN, phường TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "Kiện ly hôn, nuôi con chung" giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Nguyễn Văn T đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt chị L, anh T tại phiên tòa được thực hiện theo quy định tại các Điều 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã TH (nay là phường TH), T phố PL, tỉnh Hà Nam là hoàn toàn tự nguyện nên đã thỏa mãn với điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị cũng có thời gian 02 năm chung sống hòa thuận nhưng sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là hai bên bất đồng về quan điểm sống, cách sống và không thể có tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2024 đến nay không quan tâm đến nhau và đến nay tình cảm hai bên dành cho nhau không còn nữa được hai bên thừa nhận. Quá trình giải quyết tại Tòa án, chị L xin ly hôn, anh T hoàn toàn nhất trí thuận tình ly hôn. Điều đó, chứng tỏ vợ chồng anh chị không mong muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với nhau nữa. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị L và anh T là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21/02/2020 (con trai) và cháu Nguyễn T N, sinh ngày 22/10/2021 (con trai). Xét điều kiện thực tế, nguyện vọng của chị L, anh T muốn được nuôi con chung là hoàn toàn chính đáng, Hội đồng xét xử thấy, hiện nay cháu Nguyễn Đăng K đang ở với anh T, cháu Nguyễn T N đang ở với chị L nên để tránh sự xáo trộn của các con chung cần giao cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Đăng K và giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn T N và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại các Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Chị L, anh T phải nộp theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L nộp toàn bộ án phí ly hôn cho anh Nguyễn Văn T.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21/02/2020 (con trai), cho đến khi cháu Nguyễn Đăng K trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Giao chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn T N, sinh ngày 22/10/2021 (con trai), cho đến khi cháu Nguyễn T N trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T mỗi người phải nộp 75.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng, được đối trừ với 300.000 đồng mà chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002195 ngày 07/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Chị Nguyễn Thị L được nhận lại 150.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố PL;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ L;
- UBND phường TH, TP Phủ L tỉnh Hà Nam (ĐKKH ngày 22/7/2020);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuyên